

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 05/2019/DSST

Ngày 18 - 02 - 2019

“V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Tính

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Mầm

Ông Nguyễn Văn Hành

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Vui là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Hằng Mơ – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 02 năm 2019, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 238/2018/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2018 về việc tranh chấp: “Hợp đồng mua bán tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 450/2019/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2018/QĐST-DS ngày 23 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hồng Út M, sinh năm 1988 là chủ DO nghiệp tư nhân thương mại thủy sản Hoàng O.

Địa chỉ: Ấp Tân Lập, xã Phong Lạc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của ông M là ông Nguyễn Thanh Sang, sinh năm 1965 (Có mặt)

Cư trú: Số 334/2A, đường Nguyễn Duy, phường 5, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn:

1. Ông Thái Văn Th, sinh năm 1957 (Vắng mặt)

2. Bà Tạ Mỹ L, sinh năm 1959 (Vắng mặt)

Cùng cư trú: ấp Lợi Đông, xã Hòa Mỹ, huyện C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông Th là bà Tạ Mỹ L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời trình bày tại Tòa của nguyên đơn như sau:

Vào tháng 01 năm 2016 DO nghiệp tư nhân thương mại thủy sản Hoàng O (gọi tắt là DNTN Hoàng O) bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản cho ông Thái Văn Th và bà Tạ Mỹ L. Đến ngày 30/7/2017 thì hai bên có làm biên bản kết toán xác nhận công nợ thì ông Thái Văn Th và bà Tạ Mỹ L còn thiếu nợ lại DNTN Hoàng O tổng số tiền là 1.231.602.000 đồng, sau đó ông Th, bà L không trả nợ nên DNTN Hoàng O khởi kiện yêu cầu ông Th, bà L phải trả số tiền 1.231.602.000 đồng cho DNTN Hoàng O, không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Tạ Mỹ L trình bày:

Bà L thừa nhận bà L và ông Th có nợ số tiền thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản của DNTN Hoàng O số tiền là 1.231.602.000 đồng và đồng ý trả cho DNTN Hoàng O. Tuy nhiên, bà L cho rằng do điều kiện, hoàn cảnh gia đình bà quá khó khăn do nuôi tôm công nghiệp bị thất bại nên xin được trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Đối với ông Thái Văn Th, quá trình giải quyết vụ án thì ông Th không có mặt theo thông báo, giấy triệu tập của Tòa án; ông Th không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của DNTN Hoàng O. Ông Th vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án cho đến trước khi nghị án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự; bị đơn không thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt lần thứ 2 nên đề nghị Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồng Út M là chủ DO nghiệp tư nhân thương mại thủy sản Hoàng O. Buộc ông Thái Văn Th, bà Tạ Mỹ L phải trả cho ông Hồng Út M là chủ DO nghiệp tư nhân thương mại thủy sản Hoàng O số tiền còn nợ là 1.231.602.000 đồng. Án phí các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông Hồng Út M có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau giải quyết buộc ông Thái Văn Th, bà Tạ Mỹ L trả toàn bộ khoản nợ từ hợp đồng mua bán

thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản. Vì ông Th, bà L có nơi cư trú tại ấp Lợi Đông, xã Hòa Mỹ, huyện C, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật dân sự.

Tại phiên tòa bị đơn ông Thái Văn Th, bà Tạ Mỹ L đã vắng mặt lần thứ 2 nên Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa nguyên đơn ông Hồng Út M là chủ DO nghiệp tư nhân thương mại thủy sản Hoàng O với bị đơn là ông Thái Văn Th, bà Tạ Mỹ L là tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” được quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự.

[3] Xét nội dung vụ án:

Qua lời khai của nguyên đơn và các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp đã thể hiện: Vào ngày 01/3/2016 DO nghiệp tư nhân thương mại thủy sản Hoàng O có ký hợp đồng mua bán với ông Thái Văn Th và bà Tạ Mỹ L để bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản. Trong quá trình mua bán thì ông Th, bà L có mua và có trả tiền nhiều lần. Đến ngày 30/7/2017 thì hai bên kết toán nợ thì ông Th và bà L thiếu nợ DO nghiệp tư nhân thương mại thủy sản Hoàng O tổng số tiền là 1.231.602.000 đồng. Nay người đại diện theo ủy quyền của ông M là ông Nguyễn Thanh Sang yêu cầu ông Th, bà L phải trả số tiền là 1.231.602.000 đ (Một tỷ hai trăm ba mươi một triệu sáu trăm lẻ hai ngàn đồng).

Xét thấy, hai bên nguyên đơn và bị đơn đã Th nhất xác định có ký hợp đồng mua bán với nội dung: DNTN Hoàng O bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản cho ông Th, bà L vì mục đích để ông Th, bà L sản xuất (nuôi tôm) chứ không có mục đích lợi nhuận. Tại biên bản ghi nhận ý kiến của bà Tạ Mỹ L ngày 31/10/2018 (BL-278) bà L trình bày: Bà L và ông Th có hợp đồng mua thức ăn tôm của DO nghiệp tư nhân thương mại thủy sản Hoàng O, chủ DO nghiệp là ông Hồng Út M. Hiện nay bà L còn thiếu nợ số tiền là 1.231.602.000 đồng, bà L đồng ý trả cho DO nghiệp tư nhân thương mại thủy sản Hoàng O nhưng bà L yêu cầu được khấu trừ tiền triết khấu nhưng không có chứng từ gì và cũng không tính được số tiền triết khấu cụ thể là bao nhiêu. Đồng thời, tại biên bản ghi nhận ý kiến của ông Hồng Út M ngày 10/12/2018 (BL-273), ông M xác định: Ngày 30/7/2017 DO nghiệp tư nhân thương mại thủy sản Hoàng O kết toán nợ đối với ông Thái Văn Th và bà Tạ Mỹ L thì ông Th, bà L còn nợ DO Nghiệp số tiền 1.231.602.000 đồng. Số tiền này hai bên đã Th nhất tất toán các khoản nợ không phải trừ tiền triết khấu, lý do là ông Th, bà L không thực hiện trả nợ cho DO nghiệp đúng theo hợp đồng đã ký kết. Do đó hai bên Th nhất xác định tiền công nợ mà ông Th, bà L thiếu 1.231.602.000 đồng đối với DO nghiệp tư nhân thương mại thủy sản Hoàng O. Tại thời điểm kết toán nợ thì ông Th, bà L đồng ý ký tên vào giấy kết toán nợ, Th nhất không tính khấu trừ tiền triết khấu. Đối với bị đơn ông Thái Văn Th và bà Tạ Mỹ L đã được biết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

nhưng không có ý kiến gì, cũng không có chứng cứ gì chứng minh cho yêu cầu đòi trừ số tiền triết khấu. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, chấp nhận toàn bộ đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Th, bà L phải có nghĩa vụ trả cho ông Hồng Út M là chủ DO nghiệp tư nhân thương mại thủy sản Hoàng O số tiền còn nợ từ hợp đồng mua bán tài sản là 1.231.602.000 đ (Một tỷ hai trăm ba mươi một triệu sáu trăm lẻ hai ngàn đồng).

Về tiền lãi: Tại phiên tòa nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về thời hạn trả nợ: Ông Thái Văn Th, bà Tạ Mỹ L đã không thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận trong hợp đồng mua bán tài sản. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh Sang yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số nợ một lần là có cơ sở nên cần chấp nhận.

Ngoài ra, bà L có cung cấp Hợp đồng vay tiền giữa ông Phạm Hoàng Toàn, bà Huỳnh Ngọc Liễu cho ông Thái Văn Th, bà Tạ Mỹ L vay số tiền 410.000.000 đồng. Xét thấy, Hợp đồng vay tiền do bà L cung cấp không có liên quan gì đến vụ án này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, nếu các đương sự có phát sinh tranh chấp thì có quyền khởi kiện thành một vụ kiện dân sự khác theo quy định của pháp luật.

Đối với ông Th sau khi Tòa án thụ lý vụ án; thông báo hòa giải; triệu tập xét xử hợp lệ nhưng ông Th không đến và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn. Xét thấy, việc bà L và ông Th có thiếu ông M là chủ DNTN Hoàng O số tiền là 1.231.602.000 đồng là thực tế có xảy ra. Do đó, buộc ông Th, bà L phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông M là chủ DNTN Hoàng O số tiền là 1.231.602.000 đồng là phù hợp.

[4] Về án phí: Ông Th và bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 91; khoản 3 Điều 144; khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, 430, 440 của Bộ luật dân sự năm 2015. Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Thái Văn Th và bà Tạ Mỹ L phải trả cho ông Hồng Út M là chủ DO nghiệp tư nhân thương mại thủy sản Hoàng O số tiền là 1.231.602.000 đ (Một tỷ hai trăm ba mươi một triệu sáu trăm lẻ hai ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải trả cho người

được thi hành án tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 26, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH12 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc ông Thái Văn Th, bà Tạ Mỹ L phải chịu số tiền là 48.948.060 đ (Bốn mươi tám triệu chín trăm bốn mươi tám nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Hồng Út M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Hồng Út M số tiền tạm ứng án phí là 12.237.000 đ (M hai triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004096 ngày 12/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THA DS C;
- Các đương sự;
- Lưu HS-VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Minh Tính

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào lúc 08 giờ 15 phút, ngày 06 tháng 02 năm 2018

Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Tính

Các vị Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Tấn Liêm

2. Ông Bùi Hữu Khánh

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 193/2017/TLST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp: “Hợp đồng mua bán” giữa:

1. Nguyên đơn: Ông **Lê Hoàng Thịnh** - Sinh năm 1956 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Hiệp Hòa Tây, xã Ngọc Chánh, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn Đoàn** - Sinh năm 1973 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Cái Hàng, xã Tân Hưng Đông, huyện C, tỉnh Cà Mau.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà **Lý Mỹ Nhân** – Sinh năm 1974 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Cái Hàng, xã Tân Hưng Đông, huyện C, tỉnh Cà Mau.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

1. Nội dung:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hoàng Thịnh đối với anh Nguyễn Văn Đoàn, chị Lý Mỹ Nhân.

Buộc anh Nguyễn Văn Đoàn, chị Lý Mỹ Nhân phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lê Hoàng Thịnh số tiền là 247.121.000 (Hai trăm bốn mươi bảy triệu một trăm hai mươi một ngàn đồng).

Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất tương ứng với thời gian chậm trả được quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3

2. Về Điều luật áp dụng:

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 146, 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 357, 430, 440 Bộ luật dân sự; Điều 48, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH12 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

3. Các vấn đề khác :

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Nguyễn Văn Đoàn, bà Lý Mỹ Nhân phải chịu số tiền là 12.356.050 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Ông Thịnh không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông Thịnh số tiền đã dự nộp là 6.178.000 đồng theo biên lai thu số 0003747 ngày 21/8/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Ông Thịnh và ông Đoàn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bà Nhân có quyền kháng cáo bản án trong 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi 09 giờ 20 phút, ngày 07 tháng 02 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Tấn Liêm

Bùi Hữu Khánh

Huỳnh Minh Tính